CÁC LÔ ĐẤT ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUỘC CÁC KHU QUY HOẠCH TẠI THỊ TRẤN ĐAK PƠ, XÃ TÂN AN, XÃ PHÚ AN, HUYỆN ĐAK PƠ, TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Thông báo số..10../TB-TNMT ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

TT	Vị trí		Diện tích (m2)	Giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất theo		Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất (đồng)	Ghi chú
	Lô số	Loại đường, vị trí		Đơn giá theo Quyết định 46/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh Gia Lai (Đồng/m2)	Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá khởi điểm đấu giá QSD đất theo Quyết định số 801/QĐ-UBND của UBND tỉnh Gia Lai		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1	**Khu quy hoạch chi tiết khu dân cư thuộc thôn Tân Thành, xã Tân An, huyện Đak Pơ**						
1	173	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
2	174	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
3	175	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
4	176	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
5	177	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
6	178	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
7	179	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
8	180	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
9	181	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
10	182	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
11	183	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
12	184	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
13	185	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
14	127	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
15	128	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	

16	129	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
17	130	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
18	131	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
19	132	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
20	133	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
21	134	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
22	135	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
23	136	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
24	137	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
25	138	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
26	139	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
27	140	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
28	141	KV2, VT3	245	220	3,6	194.040,0000	
2	**Lô 14 A4 đường Khu dân cư Trung Tâm thương mại thị trấn Đak Pơ**						
1	Đường Lê Thánh Tông (Đoạn Võ Nguyên Giáp đến Hùng Vương)						
	14 A4	VT 1	156,8	900	2,37	334.454,4000	
3	**Khu dân cư đường Lý Thái Tổ, thị trấn Đak Pơ, huyện Đak Pơ**						
	Đường Lý Thái Tổ						
	Khu J						
1	10	VT 1	137	900	1,86	229.338,000	Lô 2 mặt tiền
	Khu H						
1	1	VT 1	174	900	1,88	294.408,00	Lô 2 mặt tiền
2	2	VT 1	182,5	900	1,70	279.225,000	
3	3	VT 1	182,8	900	1,70	279.684,000	
4	4	VT 1	201,5	900	1,72	311.922,000	
5	5	VT 1	202,0	900	1,72	312.696,000	
6	6	VT 1	202,4	900	1,72	313.315,200	
4	**Đất lẻ thị trấn Đak Pơ, huyện Đak Pơ**						

	Đường Kpă Klơng, TDP 4, Thị trấn Đak Pơ (Đoạn hết ranh giới phía Bắc sân bóng TDP 4 đến RG xã An Thành)						
1	208	VT 1	245	400	1,22	119.560,000	
2	209	VT 1	245	400	1,22	119.560,000	
5	**Khu quy hoạch phân lô đất ở Trung tâm xã Phú An, huyện Đak Pơ**						
1	132	KV1, VT3	169	300	5	253.500,000	Lô 2 mặt tiền
2	133	KV1, VT3	184,5	300	4,54	251.289,000	
3	134	KV1, VT3	187,5	300	4,54	255.375,000	
4	135	KV1, VT3	190,5	300	4,54	259.461,000	